

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 457/2026/LHST

Ngày: 20/5/2026

Về việc: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Long

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Như Ý - Cán bộ Toà án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà Nội: Bà Nguyễn Hoàng
Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 138 ngày 04 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Trần Ngọc T**, sinh ngày 02/08/1977; Căn cước công dân số 001077032271 do Cục Trưởng Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH cấp ngày 05/6/2022;

Trú tại: Xóm N, xã H, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên toà.

Bị đơn: **Chị Trần Kim O**, sinh ngày 27/11/1978; Căn cước công dân số 001178029632 do Cục Trưởng Cục Cảnh Sát QLHC về TTXH cấp ngày 22/4/2021; Trú tại: Xóm Tái định cư Ngũ Hiệp, xã Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10/6/2025 và bản tự khai ngày 23/03/2026 nguyên đơn anh Trần Ngọc T trình bày: Anh T và chị O tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Đến ngày 27/02/2004 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện TT, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng anh T và chị O phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân chủ yếu là do chị O có hành vi không chung thủy, làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình cảm vợ chồng và hạnh phúc gia đình. Đỉnh điểm vào ngày 14/04/2025, có hai người phụ nữ đến nhà anh T đánh ghen với chị O, gây ảnh hưởng lớn đến danh dự, uy tín của gia đình. Tiếp đó, ngày 25/5/2025, anh T phát hiện chị O có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác tại khu vực đường Vũ Lăng, dẫn đến xảy ra xô xát giữa anh T và người này. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, từ tháng 6 năm 2025 đến nay anh T và chị O đã sống ly thân. Nay anh T xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị O.

Về con chung: Theo như anh Trần Ngọc T khai, anh và chị O có 03 con chung: Cháu Trần Quang Minh, sinh ngày 08/01/2006, cháu Trần Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2009, cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16/09/2015. Ly hôn anh T có nguyện vọng cấp dưỡng cho cháu Phương A và cháu Ngọc D là 5.000.000 đồng/tháng và giao cho chị O là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các cháu cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Cháu Minh đã trưởng thành nên việc cháu ở với ai là do quyết định của cháu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Kim O không hợp tác với Tòa án mà còn có hành vi cố tình ngăn cản anh T thực hiện quyền làm cha đối với các con chung. Cụ thể, chị O nhiều lần không cho anh T gặp các con, hạn chế việc liên lạc giữa anh T và con chung gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình cảm cha con. Anh T đã chủ động liên hệ, đề nghị gặp gỡ, chăm sóc và hỏi thăm các con chung nhưng đều bị từ chối hoặc né tránh. Do chị O ngăn cản anh T gặp, tiếp xúc với con chung nên anh T không thể đưa con chung đến Tòa án để tiến hành thủ tục lấy lời khai và trình bày nguyện vọng của con chung. Bên cạnh đó Tòa án đã có giấy triệu tập hợp lệ chị O đến Tòa án giải quyết ly hôn và đưa các con chung lên để trình bày nguyện vọng nhưng chị O vẫn không đến Tòa án giải quyết về việc xin ly hôn giữa anh T và chị O.

Về tài sản và nhà ở: Anh T và chị O không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Anh T và chị O không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về việc tham gia tố tụng: Hiện nay chị Trần Kim O đang ăn ở sinh sống thường xuyên tại Xóm N, xã H, thành phố Hà Nội. Nhưng Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị O nhưng chị O vẫn không đến Toà án để giải quyết về việc xin ly hôn của anh Trần Ngọc T. Do vậy Toà án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay:

Về tình cảm: Anh Trần Ngọc T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị Trần Kim O vì anh và chị Trần Kim O đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 đến nay do chị Trần Kim O ngoại tình làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình cảm vợ chồng và hạnh phúc gia đình, nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Anh T và chị O có 03 con chung: Cháu Trần Quang Minh, sinh ngày 08/01/2006, cháu Trần Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2009, cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16/09/2015. Ly hôn anh T có nguyện vọng cấp dưỡng cho cháu Phương A và cháu Ngọc D là 5.000.000 đồng/tháng và giao cho chị O là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục các cháu cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Do cháu Minh đã trưởng thành nên việc cháu ở với ai là do quyết định của cháu.

Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Anh T và chị O không nợ ai và không ai nợ anh chị, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Xét thấy yêu cầu của anh T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc T xin ly hôn chị Trần Kim O.

Về tình cảm: Anh Trần Ngọc T được ly hôn với chị Trần Kim O.

Về con chung: Anh T và chị O có 03 con chung: Cháu Trần Quang Minh, sinh ngày 08/01/2006, cháu Trần Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2009, cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16/09/2015. Đề nghị Tòa án khu vực 11, Hà Nội giao 02 con chung là cháu Trần Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2009, cháu Trần Ngọc

D, sinh ngày 16/09/2015 cho chị Trần Kim O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Phương A và cháu Ngọc D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Do cháu Minh đã trưởng thành nên việc cháu ở với ai là do quyết định của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con anh T tự nguyện cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng/2 con cho chị Trần Kim O đến khi con chung là cháu Phương A và Ngọc D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 272 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định: Anh Trần Ngọc T và chị Trần Kim O kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2004, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện TT, thành phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân của anh T và chị O là hợp pháp, tiến bộ. Sau khi kết hôn vợ, chồng anh T và chị O đã sống tại khu tái định cư N, xã H, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, đã sống ly thân từ đầu tháng 6 năm 2025 đến nay. Nay anh Trần Ngọc T làm đơn xin ly hôn với chị Trần Kim O. Tại phiên toà, anh Trần Ngọc T vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị Trần Kim O. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh T, chị O không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của anh T là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Trần Ngọc T được ly hôn với chị Trần Kim O.

Bị đơn chị Trần Kim O đã được tổng đạt niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm; Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa để chị O biết những vấn đề cụ thể mà anh T xin ly hôn chị O. Đồng thời triệu tập chị O đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên chị O không có mặt theo giấy

triệu tập của tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T, không cung cấp giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do đó chị O không thực hiện nghĩa vụ của đương sự nên phải chịu hậu quả do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Tòa căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà anh T giao nộp và Tòa án thu thập được theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Về con chung: Anh T và chị O có 03 con chung là: Cháu Trần Quang Minh, sinh ngày 08/01/2006, cháu Trần Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2009, cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16/09/2015. Xét nguyện vọng của anh T là mong muốn giao 02 con chung là cháu Trần Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2009, cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16/09/2015 cho chị Trần Kim O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Phương A và cháu Ngọc D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Do cháu Minh đã trưởng thành nên việc cháu ở với ai là do quyết định của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T tự nguyện cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng/2 con cho chị Trần Kim O đến khi con chung là cháu Phương A và Ngọc D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Xét điều kiện nuôi con của chị Trần Kim O, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Trần Quang Minh, sinh ngày 08/01/2006, cháu Trần Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2009, cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16/09/2015 đều đang ở với mẹ là chị Trần Kim O. Do đó việc các con chung sống bên cạnh chị O để đảm bảo cho tinh thần, thể chất của các con chung phát triển tốt. Bản thân anh T hiện nay không có nhà ở phải đi thuê nhà, không đủ điều kiện nuôi con. Bên cạnh đó Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội đã triệu tập chị O nên tiến hành các thủ tục về việc xin ly hôn với anh Trần Ngọc T và đưa con chung nên lấy nguyện vọng nhưng chị Trần Kim O vẫn cố tình không đến làm việc và đưa con chung lên để lấy nguyện vọng. Vì vậy chị O đã tự chối bỏ các quyền được thể hiện mong muốn và nguyện vọng của mình trước pháp luật. Do đó xét cần giao cháu Trần Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2009, cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16/09/2015 cho chị Trần Kim O là phù hợp thực tế và pháp luật. Do cháu Minh đã trưởng thành việc cháu muốn ở với ai thì là do quyết định của cháu nên Tòa không xét. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Ngọc T đóng góp tiền nuôi dưỡng cho con chung là 5.000.000 đồng/tháng/2 con.

Anh Trần Ngọc T có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không được ngăn cản.

Về tài sản chung, nhà ở và công nợ chung: Anh T và chị O không có nhà ở, tài sản và công nợ chung, không yêu cầu Toà án xem xét nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Anh Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc T được ly hôn chị Trần Kim O.

2. Về con chung: Anh T và chị O có 03 con chung là: Cháu Trần Quang Minh, sinh ngày 08/01/2006, cháu Trần Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2009, cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16/09/2015. Giao 02 con chung là cháu Trần Thị Phương A, sinh ngày 11/02/2009, cháu Trần Ngọc D, sinh ngày 16/09/2015 cho chị Trần Kim O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Phương A và cháu Ngọc D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Do cháu Minh đã trưởng thành nên việc cháu ở với ai là do quyết định của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Trần Thị Phương A và cháu Trần Ngọc D với mức 5.000.000 đồng/tháng (tức 2.500.000 đồng/tháng/1 con) cho chị Trần Kim O đến khi con chung là cháu

Phương A và Ngọc D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Trần Ngọc T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không được ai ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nhà đất chung: Anh T và chị O không đề nghị Toà án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. Về công nợ chung: Anh T và chị O không nợ ai và không ai nợ anh chị, anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Anh Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh T đã nộp theo biên lai số 0013590, Ký hiệu: BLTU/25E ngày 27/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Ngọc T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Kim O vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Hà Nội;
- UBND xã L, huyện TT (nay là xã H), thành phố Hà Nội (số 27, quyển số 01 ngày 27/02/2004);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Liên